

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
BỘ MÔN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng		
Mã học phần:	71SCMN40373	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	242_71SCMN40373_01, 04, 05		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Đề thi lần 2:

Gợi ý:

- Sinh viên phải gõ trực tiếp bài làm trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Không được tải lên bất kỳ tập tin hay hình ảnh nào lên hệ thống thi;
- Trong suốt quá trình làm bài, chỉ được sử dụng duy nhất một thiết bị điện tử;
- Giấy nháp sẽ được phát tại phòng thi và phải nộp lại sau khi kết thúc bài thi;
- Sinh viên tuyệt đối không được sao lưu, chụp hình hoặc chép lại đề thi dưới bất kỳ hình thức nào.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân biệt các loại, chức năng của các nhà kho; tính toán được số lượng đặt hàng nhằm tối ưu chi phí tồn kho thông qua áp dụng các loại mô hình tồn kho phổ biến;	Trắc nghiệm, Tự luận	60%	Trắc nghiệm: Câu 1 đến 20, Tự luận: câu 1	6	PI3.2

	và phân loại các điều kiện Incoterms.					
CLO2	Hiểu và áp dụng các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; các vấn đề cơ bản trong quản trị chuỗi cung ứng trong phân tích và giải quyết vấn đề doanh nghiệp	Trắc nghiệm	30%	Trắc nghiệm: Câu 21 đến câu 30	3	PI3.3
CLO4	Phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng xung quanh các khía cạnh vận tải, sản xuất, tồn kho, và sự phối hợp trong chuỗi.	Tự luận	10%	Câu 2	1	PI7.3

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (Bao gồm 30 câu, mỗi câu trả lời chính xác được 0,2 điểm)

1. Trong chuỗi cung ứng, vai trò nào sau đây của hệ thống kho bãi góp phần trực tiếp vào việc nâng cao hiệu quả liên kết giữa các khâu sản xuất và phân phối?

- A. Là nút trung gian giúp đồng bộ thời gian và khối lượng hàng giữa các bộ phận
- B. Là điểm cuối để kiểm định chất lượng sản phẩm trước khi xuất xưởng
- C. Là nơi tách biệt quá trình sản xuất và tiêu thụ để tối ưu quản lý độc lập
- D. Là khu vực giới hạn tiếp cận để tăng tính bảo mật trong chuỗi cung ứng

ANSWER: A

2. Yếu tố nào sau đây không phải là cơ sở trực tiếp để chia khu vực lưu trữ trong kho?

- A. Giá trị hàng hóa trên thị trường
- B. Loại hàng hóa cần được lưu trữ trong kho
- C. Phương pháp lưu trữ
- D. Độ ưu tiên

ANSWER: A

3. Điều kiện tiên quyết để hệ thống Cross Docking hoạt động hiệu quả là:

- A. Kế hoạch giao hàng chính xác và hệ thống phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận

- B.** Có không gian lưu kho lớn để dự phòng sai sót trong quá trình tiếp nhận và phân loại hàng hóa, đảm bảo được hệ thống có thể hoạt động hiệu quả
- C.** Hệ thống đóng gói hiện đại tại kho đầu mối
- D.** Khoảng cách ngắn giữa kho và các điểm bán lẻ

ANSWER: A

4. Loại kho nào thường được sử dụng để lưu trữ hàng hóa quá cảnh, tạm nhập tái xuất hoặc chờ hoàn tất thủ tục hải quan khi chưa chính thức nhập khẩu?

- A.** Kho ngoại quan
- B.** Kho bảo thuế
- C.** Kho phân phối
- D.** Kho trung tâm

ANSWER: A

5. Một công ty sản xuất nước ngọt nhập hàng tồn kho mỗi tuần. Hệ thống quản lý của công ty dựa vào ngày nhập kho để quyết định xuất hàng. Trong quá trình kiểm toán, phát hiện nhiều lô hàng hết hạn vẫn còn tồn trong kho. Vấn đề này sẽ được giải quyết hiệu quả nhất nếu công ty áp dụng:

- A.** FEFO (First Expired, First Out)
- B.** FIFO (First In, First Out)
- C.** LIFO (Last In, First Out)
- D.** JIT (Just In Time)

ANSWER: A

6. Chuỗi cung ứng kéo (Pull based supply chain) khác chuỗi cung ứng đẩy (Push) ở điểm nào?

- A.** Sản xuất và phân phối theo tín hiệu thực tế từ nhu cầu khách hàng
- B.** Hoạt động dựa trên dự báo thị trường dài hạn để kịp thời sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường
- C.** Chỉ áp dụng trong ngành sản xuất hàng hóa nhanh tiêu dùng
- D.** Không phụ thuộc vào dữ liệu thông tin đầu vào

ANSWER: A

7. So với 3PL, Fourth-Party Logistics (4PL) có điểm gì nổi bật hơn?

- A.** 4PL tập trung vào chiến lược, điều phối và quản lý toàn bộ chuỗi cung ứng, thay vì chỉ thực thi
- B.** 4PL sở hữu nhiều phương tiện vận tải hơn
- C.** 4PL chỉ phục vụ một ngành hàng cụ thể
- D.** 4PL cung cấp ít dịch vụ hơn để giảm chi phí

ANSWER: A

8. Lợi ích lâu dài và bền vững nhất của chiến lược đóng gói sản phẩm và dịch vụ bổ sung là gì?

- A.** Tạo ra doanh thu định kỳ và tăng mức độ gắn bó của khách hàng với thương hiệu
- B.** Rút ngắn chu kỳ sống của sản phẩm và dịch vụ
- C.** Dễ dàng mở rộng ra thị trường với ít rào cản kỹ thuật
- D.** Đáp án A và B đều đúng

ANSWER: A

9. Thành phần nào sau đây không nằm trong 5 yếu tố chính của mô hình SERVQUAL?

- A. Flexibility (Tính linh hoạt)
- B. Reliability (Độ tin cậy)
- C. Responsiveness (Khả năng phản hồi)
- D. Empathy (Sự thấu cảm)

ANSWER: A

10. ERP có thể chia sẻ dữ liệu giữa các bộ phận của doanh nghiệp nhằm mục đích gì?

- A. Tăng tính đồng bộ và hỗ trợ ra quyết định toàn diện hơn
- B. Đảm bảo mỗi bộ phận sử dụng hệ thống riêng biệt
- C. Tối ưu hóa việc giữ dữ liệu bí mật cho từng phòng ban
- D. Giúp các bộ phận làm việc tách biệt hiệu quả hơn

ANSWER: A

11. Trong chuỗi cung ứng, Blockchain có thể giúp gì cho khách hàng cuối cùng?

- A. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách minh bạch và chính xác
- B. Giúp khách hàng so sánh giá giữa các nhà phân phối
- C. Tăng tốc độ giao hàng vì việc cung cấp thông tin trong chuỗi cung ứng được thực hiện nhanh chóng
- D. Tự động định giá sản phẩm theo vùng miền

ANSWER: A

12. Doanh nghiệp nên sử dụng mô hình QDM khi nào?

- A. Khi nhà cung cấp đưa ra mức giá ưu đãi cho đơn hàng lớn
- B. Khi muốn tăng tốc độ sản xuất
- C. Khi muốn giảm chi phí tồn kho bằng cách đặt hàng ít hơn
- D. Khi có nhu cầu thay đổi liên tục theo mùa

ANSWER: A

13. Mô hình EOQ (Economic Order Quantity) được xây dựng dựa trên giả định nào sau đây?

- A. Nhu cầu hàng năm là không đổi và đã biết trước
- B. Chi phí lưu kho tăng dần theo thời gian
- C. Nhu cầu vật tư thay đổi theo mùa vụ
- D. Thời gian đặt hàng luôn thay đổi và khó xác định

ANSWER: A

14. Phương thức giao hàng "milk-run" được 7-Eleven Nhật Bản sử dụng chủ yếu nhằm mục tiêu gì?

- A. Tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển và giảm tần suất giao hàng dư thừa
- B. Tăng quy mô sản xuất trong thời gian ngắn
- C. Giao hàng riêng biệt theo từng nhà cung cấp đến của khách hàng với thời gian giao hàng tối ưu
- D. Giao hàng nhanh bất chấp chi phí

ANSWER: A

15. Trong Incoterms 2020, điều kiện nào yêu cầu người bán phải chịu mọi rủi ro và chi phí cho đến khi hàng hóa đến nơi đến cuối cùng?

- A. DDP
- B. FOB
- C. CIF
- D. EXW

ANSWER: A

16. Một công ty tại Hải Phòng, Việt Nam nhập khẩu máy đóng gói từ Ý. Họ muốn người bán Ý giao hàng lên tàu tại cảng Genoa, phần còn lại (tàu, bảo hiểm, thuế) sẽ do người mua Việt Nam chịu.

- A. FOB – Cảng Genoa, Ý – Incoterms 2020
- B. EXW – Nhà máy Milan, Ý – Incoterms 2020
- C. FOB – Cảng Hải Phòng, Việt Nam – Incoterms 2020
- D. DDP – Nhà máy tại Hải Phòng, Việt Nam – Incoterms 2020

ANSWER: A

17. Một doanh nghiệp tại TP.HCM xuất khẩu hạt điều sang Mỹ, muốn chịu chi phí vận chuyển và bảo hiểm đến cảng Los Angeles, nhưng rủi ro chuyển giao tại cảng Cát Lái, TP.HCM. Điều kiện nào phù hợp và cách ghi trong hợp đồng?

- A. CIF – Cảng Los Angeles, Mỹ – Incoterms 2020
- B. CFR – Cảng Los Angeles, Mỹ – Incoterms 2020
- C. FOB – Cảng Cát Lái, Việt Nam – Incoterms 2020
- D. DAP – Kho khách hàng, California – Incoterms 2020

ANSWER: A

18. Phương thức vận tải nào thường được sử dụng để vận chuyển hàng hóa có khối lượng lớn và giá trị thấp như khoáng sản, than đá?

- A. Đường sắt
- B. Đường bộ
- C. Hàng không
- D. Đường ống

ANSWER: A

19. Trong phương thức vận chuyển FCL (Full Container Load), người chịu trách nhiệm đóng hàng vào container là ai

- A. Chủ hàng
- B. Người giao nhận
- C. Hãng tàu
- D. Cơ quan hải quan

ANSWER: A

20. Mua hàng (purchasing) khác với thu mua (procurement) ở điểm nào sau đây?

- A. Mua hàng chỉ tập trung vào giao dịch cụ thể và thực hiện mua hàng
- B. Mua hàng mang tính chiến lược hơn
- C. Mua hàng bao gồm cả việc đánh giá nhà cung ứng

D. Mua hàng chịu trách nhiệm về cải tiến toàn bộ chuỗi cung ứng

ANSWER: A

21. Quyết định giữa thực hiện in-house hay thuê ngoài cần dựa trên yếu tố nào sau đây?

A. Chi phí và rủi ro có thể phát sinh

B. Ý kiến của nhà cung cấp

C. Mức độ phổ biến của dịch vụ có khả thi để thực hiện thuê ngoài

D. Sự linh hoạt trong nhân sự

ANSWER: A

22. Hình thức nào tối ưu hóa chi phí bằng cách cho phép nhà thầu giảm giá trong quá trình đấu thầu?

A. Đấu giá ngược

B. Đấu giá

C. Đàm phán

D. Tự báo giá

ANSWER: A

23. Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với nguồn cung giá rẻ?

A. Biến động nhu cầu cao

B. Giá trị sản phẩm thấp

C. Rủi ro lỗi thời thấp

D. Cần ít hỗ trợ trong thiết kế

ANSWER: A

24. Offshoring thường được lựa chọn trong quản trị mua hàng khi:

A. Cần tận dụng lao động giá rẻ

B. Cần tốc độ cải tiến sản phẩm nhanh

C. Cần sự hỗ trợ trong quản lý và thiết kế

D. Biến động nhu cầu cao

ANSWER: A

25. Đâu không phải là một trong năm loại rào cản chính trong hợp tác chuỗi cung ứng?

A. **RÀO CẢN CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY OBSTACLES)**

B. Rào cản động cơ (Incentive Obstacles)

C. Rào cản hành vi (Behavioral Obstacles)

D. Rào cản do giá (Pricing Obstacles)

ANSWER: A

Thông tin sau được dùng cho câu 26 và câu 27

Một công ty phân phối thiết bị văn phòng dự kiến sẽ bán ra 18.000 sản phẩm trong một năm. Chi phí đặt hàng là 60 USD/lần, và giá mỗi sản phẩm là 40 USD. Chi phí lưu kho mỗi năm bằng 15% giá trị sản phẩm. Doanh nghiệp hoạt động 360 ngày/năm, và thời gian giao hàng là 4 ngày.

26. Số lượng đặt hàng tối ưu (EOQ) theo mô hình EOQ

- A. 600 sản phẩm
 - B. 500 sản phẩm
 - C. 700 sản phẩm
 - D. 750 sản phẩm
- ANSWER: A

27. Điểm đặt hàng lại (ROP)

- A. 200 sản phẩm
 - B. 220 sản phẩm
 - C. 240 sản phẩm
 - D. 420 sản phẩm
- ANSWER: A

Thông tin sau được dùng cho câu 28, 29 và câu 30

Công ty AquaTech chuyên sản xuất thiết bị lọc nước và phân phối cho 3 nhà phân phối lớn: FreshHome, EcoMart, và PureZone. Nhu cầu đặt hàng của các nhà phân phối như sau:

NHÀ PHÂN PHỐI	SỐ LƯỢNG MỖI LẦN ĐẶT	TẦN SUẤT
FreshHome	20	Ngày
EcoMart	25	Ngày
PureZone	80	Tháng

Mỗi thiết bị lọc nước cần 3 máy bơm để lắp ráp. Chi phí đặt hàng máy bơm mỗi lần: 1.500 USD. Chi phí lưu kho máy bơm: 12 USD/máy bơm/năm. Một năm có 365 ngày và 12 tháng. Các nhà phân phối không nghỉ, nhưng công ty AquaTech nghỉ 15 ngày/năm.

28. Tính tổng nhu cầu máy bơm mỗi năm

- A. 52.155 chiếc
 - B. 53.155 chiếc
 - C. 54.155 chiếc
 - D. 54.551 chiếc
- ANSWER: A

29. Số lượng đặt hàng máy bơm tối ưu (EOQ) theo mô hình EOQ (làm tròn số nguyên)

- A. 3.611 chiếc
 - B. 3.711 chiếc
 - C. 3.811 chiếc
 - D. 3.826 chiếc
- ANSWER: A

30. Tính thời gian giữa hai lần đặt hàng máy bơm (ngày) (làm tròn số nguyên)

- A. 25 ngày
- B. 52 ngày
- C. 15 ngày

D. 51 ngày
ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (Bao gồm 02 câu hỏi)

Câu hỏi 1: (3 điểm). Yêu cầu sinh viên trình bày cách tính, trong trường hợp chỉ nhập đáp án vào phần trả lời trên hệ thống sẽ không được tính điểm.

Một doanh nghiệp tại Long An, Việt Nam xuất khẩu hạt điều sang Yokohama, Nhật Bản. Người mua đề xuất nhiều phương án giao hàng khác nhau, và doanh nghiệp cần phân tích để quyết định có nên giành quyền vận tải hay không, và nếu có, nên chọn điều kiện giao hàng nào để tối ưu.

Thông tin lô hàng: Số lượng: 120 kiện, trọng lượng mỗi kiện: 80 kg, kích thước mỗi kiện: $0,6 \times 0,5 \times 0,5$ m

Giá bán theo từng điều kiện:

Điều kiện giao hàng	Giá bán (USD/MT)
FOB – Cảng Cát Lái – Incoterms 2020	6.800
CFR – Cảng Yokohama – Incoterms 2020	7.300
CIP – Kho khách hàng tại Yokohama – Incoterms 2020	8.100
DDP – Kho khách hàng tại Yokohama – Incoterms 2020	8.750

Chi phí phát sinh (người bán phải chịu tùy điều kiện):

1. Bốc hàng tại kho người bán: 85 USD/lô hàng
2. Vận chuyển nội địa Việt Nam: 65 USD/WM (tối thiểu 900 USD/lô)
3. Bốc/dỡ hàng tại cảng Cát Lái: 24 USD/MT
4. Phí thông quan xuất khẩu: 100 USD/lô hàng
5. Cước vận tải biển: 420 USD/WM
6. Phí đại lý tàu & vận đơn: 180 USD/lô hàng
7. Bốc/dỡ tại cảng Yokohama: 26 USD/MT
8. Phí thông quan nhập khẩu: 200 USD/lô hàng
9. Vận chuyển nội địa tại Yokohama (đến kho): 185 USD/WM (tối thiểu 1.300 USD/lô)
10. Phí bảo hiểm quốc tế (nếu CIP): 428 USD

Ghi chú: Một số mặt hàng xuất nhập khẩu có thể phát sinh thuế theo quy định pháp luật từng quốc gia. Trong bài tập này, dữ liệu được thiết kế để tập trung vào phân tích chi phí logistics theo từng điều kiện Incoterms.

Yêu cầu:

- a. Tính chi phí Logistics mà người bán phải chịu theo từng điều kiện giao hàng (FOB, CFR, CIP, DDP). (Câu trả lời chính xác được 1,6 điểm).
- b. Trong vai trò là người xuất khẩu tại Long An, bạn có nên thương lượng để giành quyền vận tải hay không? Hãy giải thích lý do và đề xuất điều kiện giao hàng phù hợp nhất mà người xuất khẩu nên lựa chọn. (Câu trả lời chính xác được 1,4 điểm).

Câu hỏi 2: (1 điểm)

Ủy ban Nhân dân TP.HCM đã ban hành Quyết định số 4432/QĐ-UBND về việc phê duyệt "Đề án phát triển ngành Logistics trên địa bàn TP.HCM đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Đây là một chiến lược trọng tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế đô thị, hình thành TP.HCM trở thành trung tâm logistics hiện đại, đóng vai trò đầu mối giao thương của khu vực và cả nước.

Dưới góc độ quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng, anh/chị hãy đề xuất các kiến nghị chiến lược dành cho cộng đồng doanh nghiệp tại TP.HCM để tận dụng hiệu quả các cơ hội từ đề án này, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6,0	
Câu 1 – 30		0,2	
II. Tự luận		4,0	
Câu 1			
Nội dung a.	1. Tính toán cơ bản Trọng lượng: $120 \times 80 = 9.600 \text{ kg} = 9,6 \text{ MT}$ Thể tích: $0,6 \times 0,5 \times 0,5 = 0,15 \text{ m}^3/\text{kiện} \times 120 = 18 \text{ CBM}$ $WM = \max(9,6; 18) = 18$ 2. Chi phí Logistics mà người bán phải chịu: FOB – Cảng Cát Lái = Bốc hàng tại kho người bán + Vận chuyển nội địa Việt Nam + Bốc/dỡ hàng tại cảng Cát Lái + Phí thông quan xuất khẩu = $85 + \max(65 \times 18; 900) + 24 \times 9,6 + 100 = 1.585,4 \text{ USD}$	1,6	Sinh viên có thể thay đổi việc dùng dấu “.” Và “:” Sinh viên tính được MT và WM được 0,5 điểm Chi phí Logistics mỗi kiện tính chính

	CFR – Cảng Yokohama = Chi phí FOB + Cước vận tải biển + Phí đại lý tàu & vận đơn = $1.585,4 + 420 \times 18 + 180 = 9.325,4$ USD CIP – Kho khách hàng Yokohama = Chi phí CFR + Phí bảo hiểm quốc tế + Bốc/dỡ tại cảng Yokohama + Vận chuyển nội địa tại Yokohama (đến kho) = $9.325,4 + 428 + 26 \times 9,6$ + $\max(185 \times 18; 1.300) = 13.333$ USD DDP – Kho khách hàng tại Yokohama = Chi phí CIP + Phí thông quan nhập khẩu - Phí bảo hiểm quốc tế = $13.330 + 200 - 428 = 13.105$ USD		xác được 0,4 điểm
Nội dung b.	Lợi nhuận gộp của từng hình thức giao hàng FOB – Cảng Cát Lái = $6.800 \times 9,6 - 1.585,4 = 63.694,6$ USD CFR – Cảng Yokohama = $7.200 \times 9,6 - 9.325,4 = 60.754,6$ USD CIP – Kho khách hàng tại Yokohama = $8.100 \times 9,6 - 13.333 = 64.427$ USD DDP – Kho khách hàng tại Yokohama = $8.750 \times 9,6 - 13.105 = 70.895$ USD Lợi nhuận gộp CFR < FOB < CIP < DDP, vì vậy nhà xuất khẩu nên giành quyền vận tải. Vì Lợi nhuận gộp theo điều kiện giao hàng DDP lớn nhất nên nhà	1,4	Sinh viên tính được lợi nhuận gộp được 0.25 điểm cho từng điều kiện. Kết luận nên giành quyền vận tải và đưa lý do lợi nhuận gộp cao nhất được 0,2 điểm. Đề xuất điều kiện giao

	xuất khẩu lựa chọn điều kiện giao hàng DDP – Kho khách hàng tại Yokohama		hàng DDP được 0,2 điểm.
Câu 2	1. Tận dụng các trung tâm logistics mới 2. Phối hợp đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực logistics 3. Chủ động tham gia vào các cụm liên kết ngành 4. Tham gia vào hoạt động xúc tiến thương mại – logistics 5. Hợp tác công – tư (PPP) trong phát triển hạ tầng	1	Sinh viên trình bày chính xác 2/5 ý được 100% điểm câu này
	Điểm tổng	10,0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Nguyễn Viết Tịnh

Nguyễn Minh Nhật